

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo
2. Bà Phạm Thị Mai

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Linh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 160/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Hồng S, năm sinh 1979; Địa chỉ thường trú: Số 100/92 đường Q, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Số 3D đường N, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Tiến L, năm sinh 1993; Địa chỉ thường trú: Số 76/22B6 đường H, Phường M, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 05 tháng 10 năm 2022.

2. *Bị đơn*: Bà Trần Hoàng Ngọc C, năm sinh 1980; Địa chỉ thường trú: F16.11 Chung cư Carillon, số 01 đường R, Phường I, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: Số 231 đường S1, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Phùng Thị Thùy D, năm sinh 1988; Địa chỉ thường trú: Số 79/24/65 đường T3, Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Ông Trần Tiến L, năm sinh 1993; Địa chỉ thường trú: Số 76/22B6 đường H, Phường M, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 25 tháng 11 năm 2022.

- Ông Nguyễn Hoàng Anh V, năm sinh 1978; Địa chỉ thường trú: Số 27/40/194 đường C1, phường V, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông V: Ông Trần Tiến L, năm sinh 1993; Địa chỉ thường trú: Số 76/22B6 đường H, Phường M, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 07 tháng 4 năm 2023.

(Ông L có mặt tại phiên tòa).

(Bà C vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI D V U Á N:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2022 của nguyên đơn ông Đỗ Hồng S và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Trần Tiến L trình bày: Ông S và bà Trần Hoàng Ngọc C có mối quan hệ quen biết, vì cần tiền để đáo hạn cho Ngân hàng. Ngày 15/4/2022, ông S cho bà C vay số tiền 7.000.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày từ ngày 15/4/2022 đến ngày 15/5/2022, không thỏa thuận lãi suất. Ngay sau ký hợp đồng vay tiền, ông S đã chuyển khoản đồng thời nhờ bà Phùng Thị Thùy D và ông Nguyễn Hoàng Anh V chuyển vào số tài khoản của bà C đủ số tiền nêu trên. Đến hạn trả nợ nhưng bà C không thực hiện và luôn tìm cách né tránh. Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu bà C phải trả tiền nợ vốn 7.000.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 16/5/2022 tính đến ngày 05/7/2023 là 794.033.333 đồng. Tổng tiền nợ vốn và lãi là 7.794.033.333 đồng. Đây là tiền riêng của ông S, không liên quan đến gia đình ông S và ông S chỉ cho cá nhân bà C vay, không liên quan đến cá nhân hay tổ chức nào khác.

Bị đơn bà Trần Thị Hoàng C vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đồng thời không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Thùy D có ông Trần Tiến L là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 15/4/2022, ông S cho bà C vay tiền 7.000.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản, tuy nhiên số tiền chuyển khoản có hạn mức không vượt quá mỗi lần chuyển 300.000.000 đồng nên ông S nhờ bà D là em dâu chuyển tiền vào tài khoản của bà C với số tiền 1.600.000.000 đồng. Bà D đã thực hiện chuyển vào số tài khoản cho bà C tổng cộng 6 lần; trong đó 5 lần, mỗi lần 300.000.000 đồng và lần thứ 6 là 100.000.000 đồng. Việc ông S khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền đã vay là việc giữa ông S và bà C, không liên quan đến bà D. Bà D không quen biết và không cho bà C vay tiền mà chỉ là người chuyển hộ cho ông S. Bà D khẳng định số tiền 1.600.000.000 đồng là tiền của ông S và ông S đã chuyển trả lại cho bà bằng tiền mặt và cam kết không có thắc mắc hay khiếu nại về số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Anh V có ông Trần Tiến L là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 15/4/2022, ông S cho bà C vay số tiền 7.000.000.000 đồng. Do việc chuyển tiền qua Ngân hàng có hạn mức theo ngày nên ông S có nhờ ông V là bạn cùng chuyển để chuyển đủ số tiền vay cho bà C. Ông V chuyển tiền cho bà C làm 07 lần, mỗi lần là 300.000.000 đồng đến tài khoản của C, tổng số tiền ông V chuyển cho bà C thay ông S là 2.100.000.000 đồng. Ông V không quen biết và không cho bà C vay tiền mà chỉ là người chuyển hộ cho ông S và ông S đã chuyển trả lại số tiền trên cho ông V và ông V cam kết không có thắc mắc hay khiếu nại về số tiền này.

Tại phiên tòa,

Ông L là người đại diện theo ủy quyền của ông S xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc bà C có trách nhiệm trả cho ông S tiền nợ vốn 7.000.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền nợ vốn từ ngày 16/5/2022 đến ngày 05/7/2023 là 794.033.333 đồng và yêu cầu bà C trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu L pháp luật.

Ông L là người đại diện theo ủy quyền của bà D và ông V xác định bà D và ông V không quen biết bà C, không cho bà C vay tiền mà chỉ là người chuyển hộ cho ông S và số tiền 7.000.000.000 đồng là của ông S, không liên quan đến bà D và ông V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội D quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông S khởi kiện yêu cầu bà C trả tiền theo giấy vay tiền đã ký nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ hợp đồng vay tiền giữa ông S và bà C thể hiện bà C có địa chỉ tại số 143/13 đường I1, Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 05/10/2022, ông S khởi kiện bà C theo địa chỉ bà C cung cấp tại hợp đồng vay tiền. Ngày 24/10/2022 ông S có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện bà C theo địa chỉ F16.11 Chung cư Carillon, số 01 đường R, Phường I, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường I, quận B thể hiện bà C có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ F16.11 Chung cư Carillon, số 01 đường R, Phường I, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện đã chuyển đến địa chỉ số Số 231 đường S1, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Công an Phường I, quận P thể hiện bà C hiện cư ngụ tại số 231 đường S1, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không xác định thời điểm bà C thực tế cư trú. Tuy nhiên, địa chỉ bà C cung cấp tại thời điểm giao kết hợp đồng có địa chỉ tại quận Tân Bình nên ông S khởi kiện bà C theo địa chỉ bà C cung cấp. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Tân Bình có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên.

[1.3] Về những người tham gia tố tụng: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 01/9/2010 do Ủy ban nhân dân Phường B3, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đỗ Hồng S và bà Đoàn Lê Quỳnh N . Ngày 27/3/2023, bà Như có bản ý kiến xác định số tiền mà ông S khởi kiện bà C là tài sản riêng của ông S, không liên quan đến bà N . Xét việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N nên Hội đồng xét xử không đưa bà N vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét bà C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà

C vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Vì vậy, Hội đồng xét xử vắng mặt bà C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét ông S yêu cầu bà C trả tiền nợ vốn: Căn cứ tại hợp đồng cho vay tiền ngày 15/4/2022 giữa ông S và bà C thì ông S cho bà C vay số tiền 7.000.000.000 đồng có thời hạn từ ngày 15/4/2022 đến ngày 15/5/2022. Thực hiện hợp đồng ông S đã chuyển vào số tài khoản của bà C, tuy nhiên do bị giới hạn số tiền chuyển trong một ngày của một số tài khoản nên ông S có nhờ bà D là em dâu và ông V là bạn cùng chuyển, cụ thể như sau: Ngày 15/4/2022, chuyển từ tài khoản của ông S số 19031020195014 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam đến số tài khoản số 04401012983242 của bà C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam làm tám lần, mỗi lần 300.000.000 đồng và một lần 50.000.000 đồng, tổng cộng 2.450.000.000 đồng và chuyển từ tài khoản của ông S số 0531002532545 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam đến số tài khoản số 04401012983242 của bà C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam gồm một lần 400.000.000 đồng và một lần 450.000.000 đồng, tổng cộng 850.000.000 đồng; Ngày 15/4/2022, chuyển từ tài khoản của bà D số 19030964247010 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam đến số tài khoản số 04401012983242 của bà C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam làm năm lần, mỗi lần 300.000.000 đồng và một lần 100.000.000 đồng, tổng cộng 1.600.000.000 đồng và Ngày 15/4/2022 chuyển từ tài khoản của ông V số 19028008435017 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam đến số tài khoản số 04401012983242 của bà C tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam làm bảy lần, mỗi lần 300.000.000 đồng, tổng cộng 2.100.000.000 đồng và đều có nội D chuyển khoản “C mượn tiền”. Bà C đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của ông S nhưng bà C không có ý kiến. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, bà C đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bà C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật này. Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu bà C trả tiền nợ vốn 7.000.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét ông S yêu cầu bà C trả tiền lãi: Căn cứ tại hợp đồng cho vay tiền ngày 15/4/2022 giữa ông S và bà C không quy định về lãi suất nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông S yêu cầu bà C trả tiền lãi. Theo khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Như vậy, ông S yêu cầu bà C trả tiền lãi là phù hợp với quy định của pháp luật. Ngày 15/5/2022 là ngày cuối bà C có nghĩa vụ trả tiền cho ông S nhưng bà C không thực hiện nên ngày 16/5/2022 là ngày bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán và tiền lãi được bắt đầu tính từ ngày 16/5/2022 đến ngày 05/7/2023. Tiền lãi mà ông S yêu cầu bà C phải trả, cụ thể : 7.000.000.000 đồng x 13 tháng 20 ngày x 0,83%/tháng = 794.033.333 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S buộc bà C trả số tiền 7.794.033.333 đồng, trong đó: tiền nợ vốn 7.000.000.000 đồng và tiền nợ lãi 794.033.333 đồng.

[2.3] Xét về thời hạn trả nợ: Bà C mượn tiền đã lâu nhưng không thực hiện, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông S. Ông S yêu cầu bà C trả một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu L pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông S được chấp nhận nên ông S không phải chịu án phí. Bà C phải chịu án phí trên yêu cầu của ông S được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 71, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, khoản 4 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật phí và Lệ phí;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hồng S.

Buộc bà Trần Hoàng Ngọc C trả cho ông Đỗ Hồng S số tiền 7.794.033.333 (Bảy tỷ bảy trăm chín mươi bốn triệu không trăm ba mươi ba

ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng, trong đó: tiền nợ vốn 7.000.000.000 (Bảy tỷ) đồng và tiền lãi 794.033.333 (Bảy trăm chín mươi bốn triệu không trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu L pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Hoàng Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 115.794.033 (Một trăm mười lăm triệu bảy trăm chín mươi bốn ngàn không trăm ba mươi ba) đồng.

Ông Đỗ Hồng S được nhận lại số tiền 57.645.000 (Năm mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí ông Đỗ Hồng S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0032255 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ông Đỗ Hồng S, bà Phùng Thị Thùy D và ông Nguyễn Hoàng Anh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Hoàng Ngọc C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn Nhu